

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 43



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT – MAY NHA TRANG
Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 3703000219 ngày 27 tháng 9 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 4200237973 ngày 22 tháng 12 năm 2009; và
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 4200237973 ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Vốn điều lệ: 185.000.000.000 VND (Một trăm tám mươi lăm tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.500.000 cổ phần
Mã chứng khoán: NTT
Sàn giao dịch: UPCOM

Văn phòng và nhà máy của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (0258) 3727 243
Fax: (0258) 3727 227
Email: detnhatrang@dng.vnn.vn
Website: http://www.detnhatrang.com.vn

Các đơn vị trực thuộc Công ty	Địa chỉ
Cửa hàng Centex	12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	54 Tôn Thất Tùng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh tại TP. Hà Nội	378 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Hiện chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất các loại bông, xơ, sợi;
- Sản xuất các loại vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng may mặc;
- Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất máy móc thiết bị; vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may;
- Sản xuất hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may;
- Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thông tin chung (tiếp theo)

- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành dệt may;
- Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý, mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch;
- Nhà hàng;
- Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; và
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Xuân Trinh	Chủ tịch	22/04/2016
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên/ Tổng Giám đốc	22/04/2016
Ông Trần Văn Việt	Ủy viên	22/04/2016

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Chiêm Yến Nhi	Trưởng ban	22/04/2016
Bà Lê Thị Tú Anh	Ủy viên	22/04/2016
Ông Nguyễn Hồng Nhân	Ủy viên	22/04/2016

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Võ Đình Hùng	Tổng Giám đốc	09/06/2014	
Ông Lê Quang Diệu	Phó Tổng Giám đốc	06/07/2006	
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc điều hành	10/05/2017	01/08/2017
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Giám đốc điều hành	27/06/2016	
Bà Đinh Thị Ngọc Dung	Giám đốc điều hành	17/03/2016	27/02/2017
Ông Phan Kiệt	Giám đốc điều hành	01/01/2012	

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Hồ Đăng Như Duyên	Kế toán trưởng	01/07/2011

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Võ Đình Hùng (bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2014).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các Báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2018



Số: 132/2018/BCKT-HCM.00562

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.4 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, hàng tồn kho bị tổn thất do lũ lụt vào ngày 04 tháng 11 năm 2017 được ước tính theo giá trị sổ sách là 15.721.527.834 VND. Hàng tồn kho này thuộc đối tượng được bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm do Công ty mua tại các công ty bảo hiểm phi nhân thọ.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã nhận tạm ứng bồi thường đợt 01 từ các công ty bảo hiểm số tiền là 13.364.056.000 VND. Tuy nhiên, các công ty bảo hiểm vẫn chưa xác định mức độ thiệt hại và giá trị bồi thường về hàng tồn kho nêu trên.



TRẦN THẠCH NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2018

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Nguyễn Thị Thanh Minh".

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		394.110.364.184	371.846.316.403
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.229.359.549	3.557.863.153
Tiền	111		9.229.359.549	3.557.863.153
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137.166.242.892	195.083.232.443
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2.1	62.542.129.001	107.743.635.134
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	47.767.269.281	64.649.889.861
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	27.980.558.908	24.678.324.002
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.123.714.298)	(1.988.616.554)
Hàng tồn kho	140		246.562.646.750	172.664.071.122
Hàng tồn kho	141	5.6	246.562.646.750	172.664.071.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.152.114.993	541.149.685
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	672.134.771	537.961.591
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.14	-	3.188.094
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	479.980.222	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		445.625.052.029	428.223.060.857
Các khoản phải thu dài hạn	210		79.205.728.165	80.532.210.128
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2.2	79.205.728.165	80.526.818.222
Phải thu dài hạn khác	216		-	5.391.906
Tài sản cố định	220		336.286.129.172	122.383.619.688
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	336.286.129.172	117.918.779.572
Nguyên giá	222		669.770.550.175	481.408.483.930
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(333.484.421.003)	(363.489.704.358)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	-	4.464.840.116
Nguyên giá	225		-	5.542.560.188
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(1.077.720.072)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.500.578.252	202.692.610.875
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	7.500.578.252	202.692.610.875
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.583.725.000	15.583.725.000
Đầu tư vào công ty con	251	5.11	4.362.000.000	4.362.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	11.221.725.000	11.221.725.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.048.891.440	7.030.895.166
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	7.048.891.440	6.952.167.095
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.12	-	78.728.071
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		839.735.416.213	800.069.377.260

444
 CÔNG
 TY
 DỆT
 MAY
 NHA
 TRANG
 TP. H

11/11
 Ô
 Đ
 H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		629.098.242.964	570.638.476.628
Nợ ngắn hạn	310		467.622.106.943	409.211.484.873
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	60.146.633.845	113.365.896.803
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		193.998.483	40.391.197
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.482.550.826	4.059.932.530
Phải trả người lao động	314		5.515.197.039	16.906.033.272
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.013.492.933	2.618.335.927
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.336.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	22.179.224.750	4.489.042.807
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	373.099.531.635	265.362.213.330
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	1.655.477.432	2.369.639.007
Nợ dài hạn	330		161.476.136.021	161.426.991.755
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	161.476.136.021	161.426.991.755
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		210.637.173.249	229.430.900.632
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	210.637.173.249	229.430.900.632
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.000.000.000	185.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.000.000.000	185.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.030.000.000	2.030.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.015.663.659	22.015.663.659
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.591.509.590	20.385.236.973
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		882.881.563	882.881.563
LNST chưa phân phối năm nay	421b		708.628.027	19.502.355.410
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		839.735.416.213	800.069.377.260

Nguyen Thi Cam Van

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
Người lập biểu

Ho Dang Nhu Duyen

HỒ ĐẠNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		890.164.169.345	1.049.032.300.318
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		139.962.886	-
Doanh thu thuần	10	6.1.1	890.024.206.459	1.049.032.300.318
Giá vốn hàng bán	11	6.2	856.741.541.848	983.457.515.124
Lợi nhuận gộp	20		33.282.664.611	65.574.785.194
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.865.264.909	3.692.090.906
Chi phí tài chính	22	6.4	20.761.325.244	14.392.734.466
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>20.058.028.897</i>	<i>13.576.545.239</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	7.160.633.618	10.334.293.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	30.809.078.880	33.034.815.595
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(22.583.108.222)	11.505.032.312
Thu nhập khác	31	6.7	24.720.873.748	12.379.352.519
Chi phí khác	32	6.8	1.294.202.489	35.611.382
Lợi nhuận khác	40		23.426.671.259	12.343.741.137
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		843.563.037	23.848.773.449
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	56.206.939	4.253.980.418
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		78.728.071	92.437.621
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		708.628.027	19.502.355.410

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Hồ Đăng Như Duyên



Võ Đình Hùng

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
Người lập biểu

HỒ ĐĂNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng

VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2018



023.

TY
-M
TR/

-T.
||

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	843.563.037	23.848.773.449
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.297.218.398	21.487.226.132
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(864.902.256)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(71.892.787)	399.819.972
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.931.188.259)	(6.397.923.637)
Chi phí lãi vay	06	20.058.028.897	13.576.545.239
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	35.330.827.030	52.914.441.155
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	34.737.066.604	14.613.708.513
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(74.854.922.391)	37.677.532.362
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(30.846.218.687)	(5.069.453.391)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(230.897.525)	(3.571.888.612)
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.859.111.900)	(16.442.987.360)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.354.759.626)	(1.898.011.837)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.174.648.015	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.891.165.000)	(2.192.101.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(60.794.533.480)	76.031.239.631
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(42.194.564.241)	(128.180.479.981)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	7.650.189.492	15.591.244.211
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.020.671.181	1.432.964.086
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.523.703.568)	(111.156.271.684)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	983.270.315.945	900.340.280.023
Tiền trả nợ gốc vay	34	(874.275.586.610)	(840.449.878.422)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.115.733.345)	(1.030.099.996)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.885.625.000)	(24.018.228.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	98.993.370.990	34.842.072.805
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	5.675.133.942	(282.959.248)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	3.557.863.153	3.667.731.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.637.546)	173.091.337
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	9.229.359.549	3.557.863.153

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
Người lập biểu

HỒ ĐẶNG NHƯ DUYÊN
Kế toán trưởng

VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 3703000219 ngày 27 tháng 9 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 4200237973 ngày 22 tháng 12 năm 2009; và
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 4200237973 ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Vốn điều lệ: 185.000.000.000 VND (Một trăm tám mươi lăm tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.500.000 cổ phần
Mã chứng khoán: NTT
Sàn giao dịch: UPCOM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất các loại bông, xơ, sợi;
- Sản xuất các loại vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng may mặc;
- Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất máy móc thiết bị; vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may;
- Sản xuất hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may;
- Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may;
- Mua bán các loại bông xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành dệt may;
- Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý, mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thông tin chung (tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch;
- Nhà hàng;
- Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; và
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty con

Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4201220884 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34.000.000.000 VND, trong đó Công ty đăng ký góp 20.000.000.000 VND (tương đương 58,82% vốn điều lệ).

Trụ sở chính của KPI đặt tại số 12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI: kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 2.113 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.429 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

044
ĐƠN
NHỊP
HÀM
VIỆ
TP.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tỷ giá mua tại ngày 29/12/2017 là 22.665 VND/USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tỷ giá mua tại ngày 29/12/2017 là 22.665 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tỷ giá bán tại ngày 29/12/2017 là 22.745 VND/USD, 27.318 VND/EUR.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm và chi phí khác

Chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 20 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Máy móc thiết bị 15 năm

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Đ-C
TY
DU
HÀ
N
H
AM
CH

3.7

TY
MI
RA

T.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	Công ty con
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà (trước là Công ty cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà)	Cùng công ty mẹ
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú	Cùng công ty mẹ
Công ty cổ phần Dệt may Huế	Cùng công ty mẹ
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	Công ty liên kết của công ty mẹ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Vinatex")	Công ty mẹ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	Cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	67.032.105	99.178.506
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.989.835.358	2.288.494.718
Tiền gửi ngân hàng - USD	7.172.414.975	1.170.121.578
Tiền gửi ngân hàng - EUR	77.111	68.351
	9.229.359.549	3.557.863.153

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
USD	316.453,35	7.172.414.975
EUR	2,86	77.111
		7.172.492.086

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2 Phải thu khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	42.068.687.488	45.049.901.850
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	6.815.220.988	10.115.220.988
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà	-	864.902.256
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	-	427.420.473
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	30.000.000	30.000.000
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú	-	123.964.500
Phải thu các khách hàng khác		
Sanmar Corporation	6.799.428.379	7.749.094.950
Các khách hàng khác	6.828.792.146	43.383.130.117
	62.542.129.001	107.743.635.134

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là 385.574,74 USD tương đương 8.739.051.483 VND.

5.2.2 Phải thu dài hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú – Phải thu tiền bán tài sản	79.205.728.165	80.526.818.222
	79.205.728.165	80.526.818.222

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	-	11.339.707.298
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	45.000.000.000	44.963.177.401
Trả trước cho người bán khác		
Trần Thị Khương	1.250.000.000	1.250.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.517.269.281	7.097.005.162
	47.767.269.281	64.649.889.861

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư trả trước cho người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 40.158,63 tương đương 957.313.496.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	11.663.482.222	-	7.891.843.333	-
- Phải vì phạm hợp đồng				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty cổ phần Phát triển nhà và đô thị HUD Nha Trang – Cổ tức phải thu	500.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần Bông Tây Nguyên – Cổ tức phải thu	4.032.000	-	-	-
Phải thu chờ xử lý	15.721.527.834	-	15.500.718.763	-
Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thuê tài chính	-	-	241.893.944	-
Tạm ứng nhân viên	26.250.000	-	14.050.000	-
Phải thu khác	65.266.852	-	29.817.962	-
	27.980.558.908	-	24.678.324.002	-

(*) Vào ngày 04 tháng 11 năm 2017, hàng tồn kho của Công ty bị tổn thất do lũ lụt được ước tính theo giá trị sổ sách là 15.721.527.834 VND. Hàng tồn kho này thuộc đối tượng được bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm do Công ty mua tại các công ty bảo hiểm phi nhân thọ. Công ty đang trong quá trình giải quyết việc đền bù tổn thất với các công ty bảo hiểm. Đến thời điểm lập báo cáo này, việc xác định giá trị đền bù và chi trả vẫn chưa được quyết toán chính thức.

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2017		01/01/2017	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan					
- Phải thu tiền bán hàng Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	864.902.256 (864.902.256)
Các tổ chức và cá nhân khác					
- Phải thu tiền bán hàng Công ty cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Trên 3 năm	787.538.760	(787.538.760)	Trên 3 năm	787.538.760 (787.538.760)
Các tổ chức, cá nhân khác	Trên 3 năm	336.175.538	(336.175.538)	Trên 3 năm	336.175.538 (336.175.538)
		1.123.714.298	(1.123.714.298)	1.988.616.554	(1.988.616.554)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu năm	1.988.616.554	1.988.616.554
Hoàn nhập dự phòng	(50.331.032)	-
Xóa nợ phải thu	(814.571.224)	-
Số dư cuối năm	1.123.714.298	1.988.616.554

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Hàng tồn kho

	Giá trị VND	31/12/2017 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2017 Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	140.409.200	-	138.806.974	-
Nguyên liệu, vật liệu	89.115.235.171	-	43.602.070.719	-
Công cụ, dụng cụ	35.257.219	-	36.022.219	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ngắn hạn	83.587.118.409	-	57.363.701.418	-
Thành phẩm	72.706.831.088	-	70.385.747.359	-
Hàng hóa	9.182.803	-	40.444.543	-
Hàng gửi đi bán	968.612.860	-	1.097.277.890	-
	246.562.646.750	-	172.664.071.122	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	269.918.460	172.763.843
Chi phí sửa chữa	173.963.953	156.721.258
Chi phí bảo hiểm	181.446.398	141.365.199
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	46.805.960	67.111.291
	672.134.771	537.961.591

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1.674.298.514	1.815.517.195
Tiền thuê đất trả trước	4.655.088.976	5.136.649.900
Chi phí trả trước dài hạn khác	719.503.950	-
	7.048.891.440	6.952.167.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	81.805.644.823	381.796.139.398	15.172.384.203	2.525.355.506	108.960.000	481.408.483.930
Mua sắm trong năm	334.692.727	4.423.524.869	309.936.182	-	-	5.068.153.778
Mua lại TS thuê tài chính	-	5.542.560.188	-	-	-	5.542.560.188
Tăng từ XDCB dở dang	52.180.026.527	180.388.165.144	799.022.847	-	-	233.367.214.518
Thanh lý	-	(54.640.282.352)	(975.579.887)	-	-	(55.615.862.239)
Tại ngày 31/12/2017	134.320.364.077	517.510.107.247	15.305.763.345	2.525.355.506	108.960.000	669.770.550.175
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	45.911.817.396	305.382.985.184	10.167.930.193	1.967.043.585	59.928.000	363.489.704.358
Khấu hao trong năm	6.507.682.635	16.352.220.844	1.048.939.095	131.143.808	10.896.000	24.050.882.382
Mua lại TS thuê tài chính	-	1.324.056.088	-	-	-	1.324.056.088
Thanh lý	-	(54.440.015.805)	(940.206.020)	-	-	(55.380.221.825)
Tại ngày 31/12/2017	52.419.500.031	268.619.246.311	10.276.663.268	2.098.187.393	70.824.000	333.484.421.003
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	35.893.827.427	76.413.154.214	5.004.454.010	558.311.921	49.032.000	117.918.779.572
Tại ngày 31/12/2017	81.900.864.046	248.890.860.936	5.029.100.077	427.168.113	38.136.000	336.286.129.172
Trong đó:						
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng						
Tại ngày 01/01/2017	239.685.312	226.246.535.222	5.489.191.994	892.749.867	-	232.868.162.395
Tại ngày 31/12/2017	239.685.312	187.647.204.825	5.528.796.492	1.283.947.474	-	194.699.634.103
- Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2017						
	71.636.856.806	191.455.805.563	3.222.168.620	729.938	-	266.315.560.927

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2017	5.542.560.188	5.542.560.188
Mua lại tài sản thuê tài chính	(5.542.560.188)	(5.542.560.188)
Tại ngày 31/12/2017	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2017	1.077.720.072	1.077.720.072
Khấu hao trong năm	246.336.016	246.336.016
Mua lại tài sản thuê tài chính	(1.324.056.088)	(1.324.056.088)
Tại ngày 31/12/2017	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	4.464.840.116	4.464.840.116
Tại ngày 31/12/2017	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2017	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang					
Công trình nhà máy sản xuất vải dệt kim	201.089.598.925	29.917.594.919	(230.016.291.082)	(990.902.762)	-
Sửa chữa nhà máy	-	3.662.315.872	-	-	3.662.315.872
Nâng cấp thiết bị máy sợi	-	3.399.808.634	-	-	3.399.808.634
Các công trình khác	1.603.011.950	2.198.545.232	(3.350.923.436)	(12.180.000)	438.453.746
	202.692.610.875	27.428.803.684	(233.367.214.518)	(20.063.000)	7.500.578.252

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	4.362.000.000	-	(*)	4.362.000.000	-	(*)
	4.362.000.000	-	(*)	4.362.000.000	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Bông Tây Nguyên	266.915.000	-	(*)	266.915.000	-	(*)
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	954.810.000	-	(*)	954.810.000	-	(*)
Công ty cổ phần Phát triển nhà và đô thị HUD Nha Trang	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000	-	(*)
	11.221.725.000	-	(*)	11.221.725.000	-	(*)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

- Cam kết của Công ty về góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2017:

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		
	VND	Vốn cam kết góp VND	Vốn đã góp đến 31/12/2017 VND	Vốn chưa góp đến 31/12/2017 VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	34.000.000.000	20.000.000.000	4.362.000.000	15.638.000.000
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	20.000.000.000	1.500.000.000	954.810.000	545.190.000
	54.000.000.000	21.500.000.000	5.316.810.000	16.183.190.000

- **Tình hình hoạt động của công ty con:**

Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4201220884 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34.000.000.000 VND, trong đó Công ty đăng ký góp 20.000.000.000 VND (tương đương 58,82% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI: kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản.

- **Giao dịch với công ty con:**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con – xem Thuyết minh 9.1.2

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	01/01/2017	Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	31/12/2017
	VND	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:</i>			
Chi phí trích trước – công cụ dụng cụ mua của Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	53.921.916	(53.921.916)	-
Khấu hao TSCĐ mua của Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	24.806.155	(24.806.155)	-
	78.728.071	(78.728.071)	-

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>				
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	36.120.056.186	36.120.056.186	71.273.143.379	71.273.143.379
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>				
Công ty cổ phần Thuận Hải	3.703.269.424	3.703.269.424	1.757.729.276	1.757.729.276
Các nhà cung cấp khác	20.323.308.235	20.323.308.235	40.335.024.148	40.335.024.148
	60.146.633.845	60.146.633.845	113.365.896.803	113.365.896.803

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
USD	7.352,45	167.231.475
EUR	4.741,05	129.516.004
		296.747.479

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.188.094	1.114.719.507	27.340.361.101	(26.108.974.967)	-	2.342.917.547
Thuế nhập khẩu	-	-	196.819.923	(196.819.923)	-	-
Thuế TNDN	-	2.818.572.465	56.206.939	(3.354.759.626)	479.980.222	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	126.640.558	958.476.785	(949.143.922)	-	135.973.421
Thuế tài nguyên	-	-	68.445.000	(68.445.000)	-	-
Tiền thuê đất, thuế đất	-	-	2.031.409.061	(2.027.749.203)	-	3.659.858
Các loại thuế khác	-	-	9.846.700	(9.846.700)	-	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	-	1.285.664.691	(1.285.664.691)	-	-
	3.188.094	4.059.932.530	31.947.230.200	(34.001.404.032)	479.980.222	2.482.550.826

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

- Xuất khẩu	0%
- Bông thô chưa qua chế biến	Không chịu thuế
- Bông phé	5%
- Các sản phẩm, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	843.563.037	23.848.773.449
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.859.664.691	569.607.582
Chi phí không được trừ	1.859.664.691	569.607.582
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.422.193.035)	(3.148.478.940)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(2.004.032.000)	(2.454.810.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	5.511.378	(231.480.853)
Chênh lệch tạm thời	(423.672.413)	(462.188.087)
Tổng thu nhập chịu thuế	281.034.693	21.269.902.091
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	56.206.939	4.253.980.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành	56.206.939	4.253.980.418

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	62.640 VND/m ² /năm
54 Tôn Thất Tùng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	990.000 VND/m ² /năm
Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	8.640 VND/m ² /năm

Theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt giá đất tính tiền thuê đất đối với phần diện tích đất Công ty chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần tại xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, diện tích 40.967,7 m², giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thời hạn thuê đất từ 15/03/2016 đến 29/08/2027 là 131.671 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú – lãi thuê tài sản phải trả	-	1.878.265.588
Phải trả các bên khác		
Chi phí lãi vay phải trả	559.947.197	361.030.200
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	453.545.736	379.040.139
	1.013.492.933	2.618.335.927

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các bên khác		
Kinh phí công đoàn	1.123.818.070	1.255.379.872
Bảo hiểm xã hội	4.750.013.981	820.478.588
Bảo hiểm y tế	2.043.856.542	1.890.818.757
Bảo hiểm thất nghiệp	462.259.248	423.051.681
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	345.940.000	10.000.000
Tiền bồi thường bảo hiểm nhận được	13.364.056.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	89.280.909	89.313.909
	22.179.224.750	4.489.042.807

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Giá trị VND	31/12/2017 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/01/2017 Số có khả năng trả nợ VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
• VCB Khánh Hòa – VND (a)	208.069.153.818	208.069.153.818	171.572.342.347	171.572.342.347
• VCB Khánh Hòa – USD (a)	33.904.060.920	33.904.060.920	-	-
• MB Khánh Hòa – VND (b)	9.869.182.536	9.869.182.536	14.658.061.726	14.658.061.726
• MB Khánh Hòa – USD	-	-	9.726.954.240	9.726.954.240
• BIDV Khánh Hòa – VND (c)	55.523.471.495	55.523.471.495	39.585.402.634	39.585.402.634
• Vietinbank Khánh Hòa – VND (d)	49.231.729.534	49.231.729.534	14.206.607.148	14.206.607.148
• HSBC Việt Nam – VND	-	-	10.690.945.239	10.690.945.239
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 5.17.2)	16.501.933.332	16.501.933.332	4.921.899.996	4.921.899.996
	373.099.531.635	373.099.531.635	265.362.213.330	265.362.213.330

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về từng khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("VCB Khánh Hòa")

Hợp đồng hạn mức: Số 2016/HĐHM-DM ngày 09/12/2016.

Hạn mức: 270.000.000.000 VND.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng vay.

Lãi suất: Đối với khoản vay VND là 5,3 đến 5,5%/năm; đối với khoản vay USD là 2,6 đến 3%/năm.

Lãi suất vay cố định trong thời hạn vay, được xác định trong từng thời năm và ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai: Nhà máy dệt kim tại Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa và một số tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty.

Số dư nợ vay ngắn hạn VCB Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 208.069.153.818 VND và 1.490.616,00 USD tương đương 33.904.060.920 VND.

(b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa ("MB Khánh Hòa")

Hợp đồng hạn mức: Số 14019.17.800.697393.TD ngày 16/10/2017.

Hạn mức: 80.000.000.000 VND.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: 12 tháng

Lãi suất: Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng.

Tài sản đảm bảo: Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty bao gồm thành phẩm, hàng hóa và nguyên vật liệu dệt may; tài sản cố định hữu hình của Công ty là 2 máy đánh ống tự động Murata; tiền mặt, tiền gửi, giấy tờ có giá do MB Khánh Hòa phát hành; và giá trị cổ phiếu Công ty cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang thuộc sở hữu Công ty.

Số dư nợ vay ngắn hạn MB Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9.869.182.536 VND.

(c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("BIDV Khánh Hòa")

Hợp đồng hạn mức: Số 01/2017/4774139/HĐTD ngày 28/11/2017

Hạn mức: 100.000.000.000 VND.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Thời hạn vay: Đến hết ngày 31/08/2018.

Lãi suất: Đối với vay VND là 5,7 đến 6%/năm. Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của BIDV Khánh Hòa trong từng thời năm.

Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị nhà máy sợi 1, sợi 2 và nhà máy may 4 và 6 xe ô tô; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại 12 Nguyễn Gia Thiệu, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; Quyền sử dụng đất tại Km 1447, Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; 04 máy nhuộm đồng bộ Fongs cùng 1 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Camry; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 54 Tôn Thất Tùng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Số dư nợ vay ngắn hạn BIDV Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 55.523.471.495 VND.

(d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("Vietinbank Khánh Hòa")

Hợp đồng hạn mức: Số 30/2017-HĐCVHM/NHCT580/KHDN ngày 15/03/2017

Hạn mức: 50.000.000.000 VND.

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15/03/2018.

Lãi suất: 5,5%/năm.

Lãi suất cho vay thông thường theo thông báo của Ngân hàng từng thời kỳ.

Tài sản đảm bảo: Thế chấp các khoản phải thu có giá trị tối thiểu 60 tỷ VND.

Số dư nợ vay ngắn hạn Vietinbank Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 49.231.729.534 VND.

1998
TY
HỮU
TOÁN
NA
ỐCS.Đ.K.K
TP. NHA

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm:

	Tại ngày 01/01/2017	Số tiền vay/Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Thanh toán trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Tại ngày 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	260.440.313.334	955.319.304.178	(859.123.995.468)	(38.023.741)	356.597.598.303
Vay dài hạn đến hạn trả	3.892.000.000	16.405.932.332	(3.795.999.000)	-	16.501.933.332
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.029.899.996	-	(1.029.899.996)	-	-
	265.362.213.330	971.725.236.510	(863.949.894.464)	(92.533.419)	373.099.531.635

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị	31/12/2017 Số có khả năng trả nợ	Giá trị	01/01/2017 Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng				
• VCB Khánh Hòa – VND (a)	101.049.459.461	101.049.459.461	81.662.447.694	81.662.447.694
• VCB Khánh Hòa – USD (a)	73.101.941.892	73.101.941.892	77.610.710.712	77.610.710.712
• BIDV Khánh Hòa – VND (b)	3.080.000.000	3.080.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000
• An Bình Khánh Hòa – VND (c)	746.668.000	746.668.000	744.000.000	744.000.000
Nợ thuê tài chính				
• VCB Leasing	-	-	1.115.733.345	1.115.733.345
	177.978.069.353	177.978.069.353	165.972.891.751	165.972.891.751
Nợ dài hạn đến hạn trả				
• An Bình Khánh Hòa – VND	(373.333.332)	(373.333.332)	(376.000.000)	(376.000.000)
• VCB Khánh Hòa – VND	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(1.756.000.000)	(1.756.000.000)
• VCB Khánh Hòa – USD	(6.368.600.000)	(6.368.600.000)	-	-
• BIDV Khánh Hòa – VND	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
• VCB Leasing – VND	-	-	(1.029.899.996)	(1.029.899.996)
	(16.501.933.332)	(16.501.933.332)	(4.921.899.996)	(4.921.899.996)
	161.476.136.021	161.476.136.021	161.426.991.755	161.426.991.755

Thông tin chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa ("VCB Khánh Hòa"), bao gồm:

Hợp đồng hạn mức số 2015/DA-DM ngày 07/09/2015 và phụ lục số 2015/DA-DM/PL01 ngày 23/08/2017

Hạn mức: 230.000.000.000 VND.

Mục đích: Thanh toán chi phí thực hiện dự án "Đầu tư Nhà máy sản xuất vải dệt kim" tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm thời gian ân hạn không thu nợ gốc 18 tháng.

Lãi suất: Đối với khoản vay VND là 8,0%/năm.

Đối với khoản vay USD là 3,0%/năm.

Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án "Đầu tư Nhà máy sản xuất vải dệt kim" gồm toàn bộ máy móc và toàn bộ tài sản trên đất hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án "Đầu tư Nhà máy sản xuất vải dệt kim" tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- VND		101.049.459.461
- USD	3.213.978,54	73.101.941.892
		174.151.401.353

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (“**BIDV Khánh Hòa**”):

Hợp đồng hạn mức số 01/2015/4774139/HĐTD ngày 30/06/2015

Hạn mức: 6.447.000.000 VND.

Mục đích: Đầu tư quy hoạch nhà máy may 2 và nhà máy may 4 theo LEAN

Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất: 9,4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay; máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ thuộc nhà máy may 4 – giai đoạn 1 và 2 xe ôtô.

Số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.840.000.000 VND.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Khánh Hòa (“**An Bình Khánh Hòa**”):

Hợp đồng tín dụng số 5359/16/TD/VII ngày 21/12/2016

Hạn mức: 1.120.000.000 VND.

Mục đích: Mua máy móc thiết bị.

Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất: 8%/năm

Tài sản đảm bảo: Thế chấp máy lọc xơ ngoại lai, xuất xứ Đức.

Số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.120.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2017			
Vay dài hạn ngân hàng	177.978.069.353	2.030.667.000	187.458.217.817
	177.978.069.353	2.030.667.000	187.458.217.817
Tại ngày 01/01/2017			
Vay dài hạn ngân hàng	165.233.158.406	3.892.000.000	161.341.158.406
Nợ thuê tài chính	1.115.733.345	1.029.899.996	85.833.349
	166.348.891.751	4.921.899.996	161.426.991.755

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số tiền vay VND	Thanh toán trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại VND	Kết chuyển vay và nợ ngắn hạn	Tại ngày 31/12/2017 VND
Vay dài hạn ngân hàng	161.341.158.406	27.951.011.767	(11.355.592.142)	(54.509.678)	(16.405.932.332)	161.476.136.021
Nợ thuê tài chính	85.833.349	-	(85.833.349)	-	-	-
	161.426.991.755	27.951.011.767	(11.441.425.491)	(54.509.678)	(16.405.932.332)	161.476.136.021

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	1.150.800.376	1.218.838.631	2.369.639.007
Trích lập trong năm	403.677.705	403.677.705	807.355.410
Tặng khác	9.840.000	1.164.808.015	1.174.648.015
Chi quỹ trong năm	(842.030.000)	(1.854.135.000)	(2.696.165.000)
Tại ngày 31/12/2017	722.288.081	933.189.351	1.655.477.432

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	32.900.792.702	241.946.456.361
Lãi trong năm 2016	-	-	-	19.502.355.410	19.502.355.410
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.127.911.139)	(2.127.911.139)
Thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(290.000.000)	(290.000.000)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(29.600.000.000)	(29.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	20.385.236.973	229.430.900.632
Tại ngày 01/01/2017	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	20.385.236.973	229.430.900.632
Lãi trong năm 2017	-	-	-	708.628.027	708.628.027
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(807.355.410)	(807.355.410)
Thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(195.000.000)	(195.000.000)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(18.500.000.000)	(18.500.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	1.591.509.590	210.637.173.249

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200237973 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp:

Vốn điều lệ:	185.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	18.500.000	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Trong đó: Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	96.143.750.000	51,97	96.143.750.000	51,97
Các cổ đông khác	88.856.250.000	48,03	88.856.250.000	48,03
	185.000.000.000	100,00	185.000.000.000	100,00

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.500.000	18.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	18.500.000	18.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

5.19.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 72/NQ-DMNT ngày 27 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	807.355.410
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	195.000.000
Chia cổ tức cho các cổ đông	18.500.000.000
	19.502.355.410

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

5.20.1 Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê lại toàn bộ tài sản cố định đã chuyển nhượng cho Tổng Công ty cổ phần Phong Phú theo hợp đồng thuê số 109/2014/PPC-NT ngày 26 tháng 5 năm 2014, số 001/2016/PPC-NT ngày 04 tháng 01 năm 2016 và phụ lục 03/PP-NT ngày 26 tháng 8 năm 2016, bao gồm:

- Dây chuyền kéo sợi 4 vạn cọc;
- Dây chuyền kéo sợi Đông Nam và thiết bị chuyển đổi cơ cấu mặt hàng thuộc Nhà máy sợi 3;
- Máy dệt kim thuộc Nhà máy dệt nhuộm;
- Dây chuyền kéo sợi Đông Nam thuộc Nhà máy sợi 1 và Nhà máy sợi 2; và
- Các tài sản cố định thuộc Nhà máy sợi 1.

Tổng giá trị tài sản thuê: 305.497.712.100 VND.
 Tiền thuê: 946.962.674 VND/ tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.20.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	316.453,35	51.501,83
Euro (EUR)	2,86	2,86

5.20.3 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.254.389.058	439.817.834

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán thành phẩm	706.254.253.449	836.720.740.771
Doanh thu bán hàng hóa	148.047.989.820	199.731.172.676
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.861.926.076	12.580.386.871
	890.164.169.345	1.049.032.300.318
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(139.962.886)	-
Doanh thu thuần	890.024.206.459	1.049.032.300.318

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	581.362.814.806	562.569.254.137
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	13.646.537.078	45.937.238.828
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú	149.982.000	162.595.000
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam	63.048.514.058	40.356.566.395
Công ty cổ phần Dệt may Huế	2.471.006.544	-
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	1.215.438.305	-
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	35.177.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú	54.545.454	54.545.454
	659.321.531.701	648.917.604.814

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của thành phẩm	705.736.364.496	790.333.361.255
Giá vốn của hàng hóa	138.266.862.902	185.581.556.162
Giá vốn của dịch vụ	12.738.314.450	7.542.597.707
	856.741.541.848	983.457.515.124

4486
 NG
 HIỆM
 M T
 VIỆT
 P. H

18998
 TY
 HỮU
 TOÁN
 T NAI
 Ô C

C
 T
 C
 HOA
 T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.639.181	32.964.086
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.004.032.000	2.454.810.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	844.593.728	1.204.316.820
	2.865.264.909	3.692.090.906

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	20.058.028.897	13.576.545.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá	703.296.347	816.189.227
	20.761.325.244	14.392.734.466

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	2.477.397.269	3.412.399.614
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng hóa	2.407.502.746	3.511.432.820
Phí chứng từ, phí dịch vụ hải quan	565.454.849	1.009.991.844
Chi phí bán hàng khác	1.710.278.754	2.400.469.449
	7.160.633.618	10.334.293.727

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	19.944.798.063	21.468.369.130
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.864.280.817	11.566.446.465
	30.809.078.880	33.034.815.595

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	7.414.549.078	3.910.149.551
Thu bồi thường bảo hiểm	12.500.000.000	6.084.104.831
Thu bồi thường chất lượng hàng hóa	3.771.638.889	2.374.144.792
Thu nhập khác	1.034.685.781	10.953.345
	24.720.873.748	12.379.352.519

6.8 Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thuế truy thu, nộp phạt	1.285.664.691	35.607.582
Chi phí khác	8.537.798	3.800
	1.294.202.489	35.611.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	482.203.430.197	500.952.181.253
Chi phí nhân công	125.772.335.964	168.069.450.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.297.218.398	21.487.226.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.105.000.960	146.999.650.759
Chi phí khác bằng tiền	25.347.131.221	16.802.938.424
	780.725.116.740	854.311.447.515

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay	983.270.315.945	900.340.280.023
	983.270.315.945	900.340.280.023

7.2 Tiền trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay	874.275.586.610	840.449.878.422
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	1.115.733.345	1.030.099.996
	875.391.319.955	841.479.978.418

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các khoản vay có gốc ngoại tệ của Công ty.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại tệ.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Công ty có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	316.453,35	2,86	51.501,83	2,86
Phải thu ngắn hạn khách hàng	385.574,74	-	476.990,36	-
Phải trả người bán ngắn hạn	(7.352,45)	(4.741,05)	(191,73)	(4.741,05)
Vay và nợ thuê tài chính	(4.704.594,54)	-	(3.830.599,34)	-
	(4.009.918,90)	(4.738,19)	(3.302.298,88)	(4.738,19)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của công ty (do sự thay đổi hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

USD	Thay đổi tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		USD	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	+1	(40.099,19)	(912.056.054)
	-1	40.099,19	912.056.054
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	+1	(33.022,99)	(752.924.145)
	-1	33.022,99	752.924.145
EUR	Thay đổi tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		USD	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	+1	(47,38)	(1.294.379)
	-1	47,38	1.294.379
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	+1	(47,38)	(1.148.158)
	-1	47,38	1.148.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lợi với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2017			
Các khoản vay và nợ thuê TC	373.099.531.635	161.476.136.021	534.575.667.656
Phải trả người bán	60.146.633.845	-	60.146.633.845
Phải trả khác và chi phí phải trả	14.812.769.842	-	14.812.769.842
	448.058.935.322	161.476.136.021	609.535.071.343
Tại ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ thuê TC	265.362.213.330	161.426.991.755	426.789.205.085
Phải trả người bán	113.365.896.803	-	113.365.896.803
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.717.649.836	-	2.717.649.836
	381.445.759.969	161.426.991.755	542.872.751.724

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	140.624.142.868	186.281.836.802	140.624.142.868	186.281.836.802
<i>Phải thu khác</i>	27.950.276.908	24.427.766.237	27.950.276.908	24.427.766.237
<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>	11.221.725.000	11.221.725.000	11.221.725.000	11.221.725.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	9.229.359.549	3.557.863.153	9.229.359.549	3.557.863.153
Tổng cộng	189.025.504.325	225.489.191.192	189.025.504.325	225.489.191.192
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	534.575.667.656	426.789.205.085	534.575.667.656	426.789.205.085
<i>Phải trả người bán</i>	60.146.633.845	113.365.896.803	60.146.633.845	113.365.896.803
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	14.812.769.842	2.717.649.836	14.812.769.842	2.717.649.836
Tổng cộng	609.535.071.343	542.872.751.724	609.535.071.343	542.872.751.724

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp máy móc thiết bị và các khoản phải thu của mình cho các khoản vay (Xem thuyết minh số 5.8 và 5.17).

Công ty không nắm giữ tài sản của bên thứ ba.

489
 NG 1
 EM 4
 TO
 TN
 HỒ
 28
 TY
 M
 RA
 T.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, tiền thưởng	2.015.571.324	2.175.420.104
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao và tiền thưởng	855.000.000	950.000.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	349.147.615.075	322.126.557.970
Bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	581.362.814.806	558.718.822.318
Cho thuê quyền sử dụng đất	2.004.000.000	-
Bán tài sản	24.000.000	9.478.574.178
Mua tài sản	-	20.000.000
Thuê tài sản	18.650.113.097	24.467.206.649
Chi trả cổ tức	9.614.375.000	15.383.000.000
Tiền lãi chậm thanh toán	-	1.111.844.831
Thu bồi thường chất lượng hàng hóa	-	1.691.656.987
Mua hàng tại Chi nhánh	-	4.703.980
Hàng bán bị trả lại	139.962.886	-
Phí thuê gian hàng hội chợ	160.169.011	-
Công ty cổ phần Đầu Tư Khánh Phú		
Cho thuê mặt bằng	54.545.454	54.545.454
Công ty cổ phần Dệt Đông Nam		
Bán hàng hóa và thành phẩm	63.048.514.058	40.356.566.395
Mua hàng hóa	-	10.000.941.800
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
Mua hàng hóa	49.378.044.857	23.440.893.740
Bán hàng hóa và thành phẩm	13.646.537.078	45.937.238.828
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	3.771.638.889	4.972.260.000
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú		
Bán thành phẩm	149.982.000	162.595.000
Bán tài sản	-	476.454.545
Công ty cổ phần Dệt may Huế		
Bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	2.471.006.544	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bên liên quan	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Nha Trang		
Bán thành phẩm	35.177.000	-
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Cung cấp dịch vụ	1.215.438.305	5.313.563.462
Chi trả cổ tức	124.232.000	198.771.200
<i>Số dư với các bên liên quan khác</i>		
Số dư phải thu/ (phải trả) của Công ty với các bên liên quan:		
Bên liên quan/ Nội dung nghiệp vụ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.068.687.488	45.049.901.850
Phải thu tiền bán tài sản	79.205.728.165	80.526.818.222
Trả trước tiền thuê tài sản	-	11.339.707.298
Phải trả về mua bán hàng hóa	(30.625.640.868)	(71.273.143.379)
Lãi thuê tài sản phải trả	(5.494.415.318)	(1.878.265.588)
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà		
Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	864.902.256
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.815.220.988	10.115.220.988
Ứng tiền hàng	45.000.000.000	44.963.177.401
Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	11.663.482.222	7.891.843.333
Công ty cổ phần Đầu tư Khánh Phú		
Phải thu tiền cho thuê mặt bằng	30.000.000	30.000.000
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú		
Phải thu bán hàng	-	123.964.500
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Nha Trang		
Phải thu bán hàng	38.694.700	-
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	427.420.473

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

9.2 Cho thuê lại Quyền sử dụng đất

Công ty cho Tổng Công ty cổ phần Phong Phú thuê lại quyền sử dụng đất theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 54-A1/DMNT-PP ngày 01/12/2015; và
- Hợp đồng số 55-A2/DMNT-PP ngày 01/09/2016.

Địa chỉ thửa đất: Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Diện tích thuê: 40.967,7 m².

Diện tích bàn giao: 33.400 m².

Thời gian thuê: từ 01/12/2015 đến 29/08/2027

Đơn giá thuê lại: 6.250 VND/m²/tháng (áp dụng từ 01/12/2015 đến 31/12/2017)

5.000 VND/m²/tháng (áp dụng từ 01/01/2017 đến 29/08/2027)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.336.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	8.016.000.000
Trên 5 năm	10.020.000.000
	<u>19.372.000.000</u>

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Cẩm Vân

NGUYỄN THỊ CẨM VÂN
Người lập biểu

Hồ Đặng Như Huyền

HỒ ĐẶNG NHƯ HUYỀN
Kế toán trưởng



Võ Đình Hùng

VÕ ĐÌNH HÙNG
Tổng Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2018